

Bản án số: 650/2018/DS-PT

Ngày: 03/7/2018

Vv “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các thẩm phán:

1/ Bà Huỳnh Tuyết Mai

2/ Bà Vũ Thị Xuân Trang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung -
Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tào
Minh Quân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/6/2018 và ngày 03/7/2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 518/2017/DSPT ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án số 224/2017/DS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận A bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2066/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 3995/2018/QĐ-PT ngày 04/6/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Trụ sở: đường C, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh G

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Anh H

Theo Văn bản ủy quyền số 1352/QĐ-DAB-PC ngày 12/8/2016 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Khắc I, sinh năm: 1968

Địa chỉ: khu phố K, phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 05/11/2009, ông Phạm Khắc I có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông I ngừng thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông I vẫn không có thiện chí trả các nợ. Do ông I vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/4/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 08/5/2017, ông I còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 44.258.311 đồng (Tính tại thời điểm vi phạm hợp đồng);
- Lãi: 29.227.189 đồng;
- Nợ các khoản phí: 217.958.165 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông I, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ. Đồng thời, Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, ông I vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình Ngân hàng yêu cầu tòa án: Buộc ông Phạm Khắc I phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 08/5/2017 là nợ gốc 44.258.311 đồng; nợ lãi 29.227.189 đồng và nợ các khoản phí phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ là 217.958.165 đồng. Không yêu cầu tính lãi đối với số nợ phí của ông I.

Trước khi phiên tòa diễn ra ông Phạm Khắc I đã thực hiện việc thanh toán số tiền nợ gốc 44.258.311 đồng và nợ lãi 29.227.189 đồng. Tại phiên tòa Ngân hàng rút lại phần yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 44.258.311 đồng và nợ lãi 29.227.189 đồng. Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông I thanh toán số tiền các khoản phí phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ là 217.958.165 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực và không yêu cầu tính lãi đối với khoản phí bị đơn còn nợ.

Bị đơn ông Phạm Khắc I thừa nhận có đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng và có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân với hạn mức tín dụng 70.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng các giao dịch phát sinh từ thẻ bản thân ông thực hiện việc thanh toán rất tốt, tuy nhiên vào ngày 20/4/2013, bản thân ông không thực hiện bất kỳ giao dịch nào từ thẻ tín dụng của ngân hàng, nhưng tài khoản vẫn bị trừ đi số tiền 20.646.350 đồng, sau đó ông gửi đơn khiếu nại tới Ngân hàng Cổ Phần B – Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng về việc tài khoản của ông bị trừ đi số tiền 20.646.350 đồng nhưng đến nay ngân hàng vẫn im lặng. Sau đó ông được Công an quận 10 mời làm việc, ông mới biết số tiền 20.646.350 đồng bị nhân viên IT của Ngân hàng rút ra để sử

dụng cho việc mua vàng. Sau sự việc im lặng của Ngân hàng thì ông đã chấm dứt mọi giao dịch với Ngân hàng từ tháng 11/2013. Dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng không rõ ràng trong việc thông báo cho ông biết, nếu vi phạm nghĩa vụ sẽ chịu khoản phí 4% tháng trên số tiền chậm thanh toán và số nợ gốc. Khi ký hợp đồng thì Ngân hàng cũng không thông báo cho ông biết bảng biểu phí nếu khách hàng vi phạm. Ngoài ra nhân viên Ngân hàng đã tự ý rút tiền của ông trong thẻ tín dụng từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2013, nhưng ngân hàng đã không có giải thích cũng như trả lời khiếu nại của ông. Ông đã có thiện chí thanh toán số nợ gốc và nợ lãi vào ngày 14/8/2017 nên ông không đồng ý trả số tiền phí mà Ngân hàng đã yêu cầu.

Đối với yêu cầu các khoản phí do chậm thanh toán số tiền 217.958.165 đồng. Nhận thấy phí chậm thanh toán được tính trên 4% tháng trên tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí chưa thanh toán. Như vậy khoản phí này Ngân hàng tính lãi chồng lãi là không đúng quy định. Như vậy yêu cầu của Ngân hàng TMCP B là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, Điều 91, 92 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; căn cứ Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005 xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm tuyên xử:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào Luật án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền phí 217.958.165 (Hai trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi tám ngàn một trăm sáu mươi lăm) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 10.895.908 nhưng được miễn trừ với số tạm ứng án phí đã nộp là 4.204.165 đồng (Bốn triệu hai trăm lẻ bốn ngàn một trăm sáu mươi lăm đồng). Nên ngân hàng còn phải đóng 6.691.843 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 8 năm 2017 nguyên đơn Ngân hàng TMCP B có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nội dung cụ thể :

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Phạm Khắc I phải thanh toán khoản phí cho Ngân hàng là 217.958.165 đồng vì giữa hai bên đã có thỏa thuận về việc người sử dụng thẻ phải chịu các khoản phí do Ngân hàng quy định, và sự thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu Tòa buộc ông I phải chịu tiền lãi của số nợ gốc 44.258.311 đồng từ khi xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm là 13.742.206 đồng, mặc dù số nợ gốc và lãi ông I đã hoàn trả trước khi xét xử sơ thẩm nhưng theo quy định của Ngân hàng thứ tự ưu tiên thanh toán là các khoản phí, lãi, rồi mới đến nợ gốc. Do đó, số tiền ông I đã thanh toán cho Ngân hàng không được hạch toán vào khoản trả gốc nên ông I vẫn phải chịu tiền lãi.

Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự trong vụ án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy phía Ngân hàng đã không ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ với ông I, quy định cụ thể các điều khoản quyền và nghĩa vụ của người sử dụng thẻ, không có chứng cứ thể hiện đã thông báo mức phí sử dụng thẻ cho ông I theo luật định, việc tính phí của Ngân hàng là phí chồng phí, lãi chồng phí. Do đó, kháng cáo yêu cầu buộc ông Phạm Khắc I phải chịu khoản phí còn thiếu là 271.958.165 đồng là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo: Ngày 15/8/2017 Tòa án nhân dân Quận A xét xử và tuyên bản án dân sự sơ thẩm số 77/2016/DS-ST. Ngày 23/8/2017 Ngân hàng TMCP B có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo còn trong hạn luật định nên được xem xét.

Do bị đơn ông Phạm Khắc I đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông I.

[2] Nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tại Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng B Bank, ông Phạm Khắc I có cam kết “Đồng ý sử dụng thẻ tín dụng theo các điều kiện và điều khoản trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng B Bank mà tôi sẽ ký khi được Ngân hàng cấp thẻ và các quy định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam”. Tuy nhiên khi được cấp thẻ hai bên không tiến hành thỏa thuận ký kết hợp đồng về điều kiện, điều khoản sử dụng thẻ.

- Tại Khoản 3 Điều 4 và Khoản 3 Điều 6 Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định:

“Thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác liên quan đến việc cấp tín dụng thực hiện theo thỏa thuận giữa chủ phát hành thẻ và chủ thẻ và không trái quy định của pháp luật”.

Tổ chức phát hành thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ.

Xét, phía ngân hàng không cung cấp chứng cứ thể hiện đã ký hợp đồng sử dụng thẻ, không thông báo cho chủ thẻ mức phí cụ thể phải trả là vi phạm quy chế nói trên và cũng không chứng minh được hai bên đã có thỏa thuận các điều kiện, điều khoản sử dụng thẻ. Ông I không thừa nhận đã thỏa thuận về mức phí, cách tính phí của phía Ngân hàng nên các nghĩa vụ phải chịu phí của người sử dụng thẻ không phát sinh. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông I trả khoản phí 217.958.165 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi khoản nợ gốc từ khi xét xử sơ thẩm đến nay. Xét thấy, phía ông I đã tự nguyện trả xong số tiền lãi và gốc theo yêu cầu của Ngân hàng trước khi xét xử sơ thẩm. Phía Ngân hàng trình bày thứ tự ưu tiên thanh toán theo điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ B Bank là các khoản phí, lãi, rồi mới đến nợ gốc nên số tiền ông I đã thanh toán cho Ngân hàng không được hạch

toán vào khoản tiền lãi nên ông I vẫn phải chịu tiền lãi. Tuy nhiên, như đã nhận định trên Ngân hàng không chứng minh được ông I chấp nhận điều khoản này nên kháng cáo về vấn đề này không được chấp nhận.

Từ nhận định trên xét thấy cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của Ngân hàng không được chấp nhận nên Ngân hàng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc 44.258.311 đồng và tiền lãi 29.227.189 đồng.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền phí 217.958.165 (Hai trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi tám ngàn một trăm sáu mươi lăm) đồng.

2. Về án phí

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 10.897.908 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AD/2014/0009254 ngày 20/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên ngân hàng còn phải đóng 6.693.743 (Sáu triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm bốn mươi ba) đồng.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng TPCP B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0024298 ngày 01/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TPCP B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận A;
- TAND Quận A;
- Chi cục THA Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuấn Vinh